

Bản án số: 49/2019/HNGĐ-ST

Ngày 12-11-2019

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Quân.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Ngọc Hải và bà Nguyễn Thị Hạnh Thu

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Hiền - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Bà Đinh Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 252/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Bùi Thị H**, sinh năm 1990;

ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: khu I, phường N, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

2. *Bị đơn:* Anh **Phùng Đức D**, sinh năm 1987;

ĐKHKTT: thôn Q, xã T, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

3. *Người làm chứng:* Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1952.

Trú quán: thôn Q, xã T, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

Chị H, anh D đều đề nghị vắng mặt, bà T vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có tại hồ sơ, nguyên đơn chị **Bùi Thị H** trình bày:

+ Về hôn nhân: Chị và anh **Phùng Đức D** kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T ngày 06/01/2014. Sau khi kết hôn, chị và anh D thuê nhà sinh sống và làm công nhân tại Công ty giày da S ở Quảng Ninh. Vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc được khoảng 04 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau về cách sống, sinh hoạt, anh D chơi bời, cờ bạc dẫn đến nợ lần nhiều, có nhiều người đến đòi nợ, về nhà yêu cầu chị đưa tiền, chị không đưa thì anh D đánh chị. Đến cuối năm 2016, anh D bỏ về quê ở xã T sinh sống, chị không liên lạc với anh D nữa. Đầu năm 2017, chị đã gửi đơn đến

TAND huyện Tứ Kỳ xin ly hôn anh D. Quá trình giải quyết, do được hai bên gia đình động viên và Toà án hoà giải, chị đã cho anh D một cơ hội nữa nên đã rút đơn để vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, vợ chồng chỉ hàn gắn được một thời gian rất ngắn thì tiếp tục mâu thuẫn, vợ chồng ly thân, anh D sinh sống xã T cho đến nay, còn chị ở Quảng Ninh sinh sống và nuôi con. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

- *Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có tại hồ sơ, bị đơn anh Phùng Đức D trình bày:* Về thời gian và điều kiện kết hôn đúng như chị H đã trình bày: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, hay xảy ra cãi nhau, nên anh đã nghỉ làm ở Quảng Ninh về quê sinh sống. Năm 2017, chị H đã làm đơn xin ly hôn anh, sau đó được gia đình khuyên bảo, hai vợ chồng đã tìm cách hoá giải những mâu thuẫn nên chị H đã rút đơn, vợ chồng về đoàn tụ, tuy nhiên sau khi Toà án đình chỉ vụ án, vợ chồng chỉ ở với nhau một thời gian rất ngắn thì tiếp tục mâu thuẫn, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay, anh sinh sống tại thôn Q, xã T còn chị H sống tại Quảng Ninh. Nay, chị H xin ly hôn, anh xét thấy tình cảm giữa anh với chị H vẫn còn nên không nhất trí ly hôn, trường hợp chị H cương quyết xin ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Chị H và anh D đều xác định: Vợ chồng có một con chung là Phùng Bùi Gia H, sinh ngày 03/10/2014 hiện đang ở với chị H. Chị H xin được nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị làm công nhân Công ty TNHH S có thu nhập trung bình từ 9 triệu đến 10 triệu đồng/tháng. Anh D cũng xin được nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện anh đang làm công nhân tại Công ty TNHH B, địa chỉ xã Q, huyện Tứ Kỳ, mức thu nhập bình quân 6.500.000 đồng/tháng. Trường hợp chị H cũng xin nuôi dưỡng con chung, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh D đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Kết quả làm việc với đại diện UBND xã T và các đoàn thể và chính quyền thôn Q, xã T được cung cấp: Anh D, chị H được tự do tìm hiểu tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo luật định. Sau khi kết hôn, vợ chồng ra Quảng Ninh thuê trọ sinh sống và làm ăn. Đến năm 2017, thấy anh D về nhà bà Nguyễn Thị T (là mẹ đẻ) ở, mẹ con chị H không về ở với anh D. Sau đó một thời gian thấy Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ triệu tập anh D về việc chị H có đơn xin ly hôn, còn mâu thuẫn vợ chồng như thế nào, chính quyền và các đoàn thể không nắm được. Từ đó, anh D ở địa phương và đi làm công nhân, còn chị H ở Quảng Ninh, vợ chồng ly thân cho đến nay. Nay, chị H xin ly hôn anh D và yêu cầu giải quyết về con chung, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Bà Nguyễn Thị T (mẹ đẻ anh D và là mẹ chồng chị H) trình bày: Anh D và chị H được tự do, tìm hiểu tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo luật định. Sau khi kết hôn, vợ chồng ra Quảng Ninh thuê nhà sinh sống và làm ăn. Đến năm 2017, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, mâu thuẫn về kinh tế do không tin tưởng nhau. Bên cạnh đó, anh D sống ở quê vợ nên bị chị H quản lý, làm chủ gia đình. Khi mâu thuẫn căng thẳng, bà đã ra Quảng Ninh để hoà giải cho vợ chồng nhưng được một thời gian thì chị H đã làm đơn ly hôn anh D gửi đến Tòa án. Sau nhiều lần được Tòa án báo gọi, hoà giải, được hai gia đình động viên nên chị H đã rút đơn về. Tuy nhiên, cũng kể từ đó, anh chị sống ly thân đến nay. Anh D ở Tứ Kỳ đi làm, còn chị H sinh sống ở Quảng Ninh, thời gian đầu anh D hay ra thăm con, nhưng sau đó không ra thăm con nữa do chị H nói cấm và tỏ thái độ lạnh nhạt. Nay, chị H làm đơn xin ly hôn anh D, quan điểm của bà giữa hai anh chị không thể hàn gắn được với nhau, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn để hai bên ổn định cuộc sống.

Tại phiên tòa: Cả chị H và anh D đều đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện Tứ Kỳ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đến trước thời điểm HĐXX nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Bùi Thị H được ly hôn anh Phùng Đức D; Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị H được nuôi dưỡng con chung Phùng Bùi Gia H, sinh ngày 03/10/2014 cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị H, anh D không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là chị Bùi Thị H và bị đơn anh Phùng Đức D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và đều có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị H, anh D.

[2] Về hôn nhân: Chị Bùi Thị H và anh Phùng Đức D kết hôn trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Tứ Kỳ ngày 06/01/2014 là hôn nhân hợp pháp.

[3] Mặc dù anh D xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, không nhất trí ly hôn chị H. Tuy nhiên, chính anh D cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên

nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tin tưởng nhau về kinh tế, hay xảy ra cãi nhau. Lời khai của anh D phù hợp với lời khai của chị H, phù hợp với lời khai của bà T (mẹ đẻ anh D) và các tài liệu do Tòa án xác minh, có đủ cơ sở để xác định: Quá trình chung sống, chị H, anh D có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt, bất đồng quan điểm. Chính vì lý do đó mà năm 2017, chị H đã làm đơn xin ly hôn anh D, sau đó đã rút đơn và Tòa án đã ra Quyết định đình chỉ vụ án, nhưng vợ chồng vẫn không thể đoàn tụ được và tiếp tục ly thân từ năm 2017 đến nay, mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau. Nguyên vọng của anh D mong muốn vợ chồng đoàn tụ là chính đáng nhưng chính bản thân anh D cũng không có giải pháp gì để hàn gắn tình cảm, cuộc sống vợ chồng không có chiều hướng tích cực, Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa chị H, anh D đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị H được ly hôn anh D là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

[4] Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Phùng Bùi Gia H, sinh ngày 03/10/2014, hiện đang ở với chị H. Cả chị H và anh D đều đề nghị được nuôi con chung và tự nguyện không yêu bên không phải nuôi cấp dưỡng nuôi con. Xét nguyện vọng của chị H và anh D đều là chính đáng, tuy nhiên để xem xét giao con cho ai nuôi dưỡng, cần phải xem xét một cách toàn diện, tất cả vì lợi ích của con chung, thấy rằng: Từ khi vợ chồng ly thân, cháu H vẫn do chị H nuôi dưỡng, phát triển bình thường, tính đến ngày xét xử, mặc dù cháu H đã đủ 36 tháng tuổi nhưng vẫn còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn. Hiện chị H làm công nhân, có mức thu nhập trung bình từ 9 triệu đến 10 triệu đồng/tháng, chị H không thuộc trường hợp không đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con, anh D có quan điểm trường hợp chị H cũng xin nuôi con, anh đề nghị giải quyết theo pháp luật, hơn nữa anh D không xuất trình được mức thu nhập. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung, HĐXX giao cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng con chung Phùng Bùi Gia H cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị H, anh D không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Bùi Thị H khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ...án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố

tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Tòa án.

**1. Về hôn nhân:** Xử cho chị Bùi Thị H được ly hôn anh Phùng Đức D

**2. Về con chung:** Giao cho chị Bùi Thị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Phùng Bùi Gia H, sinh ngày 03/10/2014 cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

**3. Về án phí:** Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, theo biên lai số AA/2017/0005249 ngày 12/9/2019.

**4. Về quyền kháng cáo:** Chị H, anh D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục THA dân sự huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã T, huyện Tứ Kỳ;
- UBND phường N, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Nguyễn Văn Quân**